

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NINH KIỀU
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Bản án số: 157/2025/DS-ST

Ngày: 23/6/2025

*V/v: “Tranh chấp chia di sản thừa kế
theo pháp luật và chia tài sản chung”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Yến Nhi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Lệ Hằng

2. Bà Nguyễn Thị Mai Hồng

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phan Thị Ngọc Diệp – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều tham gia phiên tòa: Bà Lê Hoàng Dung – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 275/2025/TLST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2025 về “*Tranh chấp chia di sản thừa kế theo pháp luật và chia tài sản chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 472/2025/QĐXX-ST ngày 23 tháng 5 năm 2025, quyết định hoãn phiên tòa số 472 ngày 12/6/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Bà Hồ Thị T** năm 1941

Địa chỉ: A khu V, P. A, Q. N, TP ..

Đại diện theo ủy quyền: **Ông Nguyễn Thanh B** sinh năm 1981 – có mặt

ĐKTT: ấp A, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ liên hệ: 12B1 khu tái định cư P, P. P, Q. C, TP ..

- Bị đơn: **1. Ông Nguyễn Văn N** sinh năm 1950 -xin giải quyết vắng mặt

2. Ông Nguyễn Văn N1 sinh năm 1981 - xin giải quyết vắng mặt

3. Ông Nguyễn Văn T1 sinh năm 1983 - xin giải quyết vắng mặt

4. Bà Nguyễn Thị D sinh năm 1985 - xin giải quyết vắng mặt

5. Bà Nguyễn Thị Bích T2 sinh năm 1992 - xin giải quyết vắng mặt

6. Ông Nguyễn Hữu P năm 1993 - xin giải quyết vắng mặt

Là người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Huỳnh Thị H (chết 19/01/2014)

Cùng địa chỉ: D khu V, P. A, Q. N, TP ..

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Huỳnh Văn T3 năm 1963 – *có mặt*

Địa chỉ: 2 khu V, P. A, Q. N, TP ..

2. Ông Huỳnh Văn K năm 1965 - *xin giải quyết vắng mặt*

Địa chỉ: số D tổ A, ấp M, xã M, huyện P, TP ..

3. Ông Huỳnh Văn K1 năm 1967 - *xin giải quyết vắng mặt*

Địa chỉ: 162 Nguyễn Trung Trực, khu vực 6, P. Lái Hiếu, thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang

4. Bà Huỳnh Thị P1 năm 1970 - *có mặt*

5. Ông Huỳnh Văn L năm 1972 - *xin giải quyết vắng mặt*

6. Bà Huỳnh Thị T4 năm 1974 - *có mặt*

7. Ông Huỳnh Công K2 năm 1977 - *xin giải quyết vắng mặt*

Cùng địa chỉ: A khu V, P. A, Q. N, TP ..

8. Ông Huỳnh Văn K3 năm 1962- *xin giải quyết vắng mặt*

Địa chỉ: 3 P, P. T, Q. N, TP ..

9. *Bổ sung: Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Huỳnh Thị H (chết 19/01/2014) gồm:*

9.1. **Ông Nguyễn Văn C** năm 1979 - *xin giải quyết vắng mặt*

9.2. **Bà Nguyễn Thị Mỹ H1** năm 1981 - *xin giải quyết vắng mặt*

Cùng địa chỉ: D khu V, P. A, Q. N, TP ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - ông Nguyễn Thanh B trình bày:**

Bà T7 và chồng là ông Huỳnh Văn C1 đã tạo lập được tài sản chung là thửa đất số 60, 63, 65 tờ bản đồ số 15, diện tích 4.254m² (đất Q+ 2L), tại ấp L, xã A, thành phố Cần Thơ (Nay là: khu vực 8, P. A, Q. N, TP .) chiếu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00728 do Ủy ban nhân dân thành phố C (cũ) cấp ngày 13/4/1994. Nhưng diện tích được cấp trong Giấy chứng nhận nêu trên do đo đạc không chính xác nên Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tiến hành đo đạc lại kiểm tra hiện trạng thực tế lại 3 thửa đất nêu trên còn 3.764m², sau đó trừ phần diện tích bỏ ra làm đường đi còn lại là 3.641,3m², và đổi từ thửa đất số 60, 63, 65 cùng tờ bản đồ số 15 thành thửa mới là thửa 375, 1016 cùng tờ bản đồ: 68, loại đất: CLN, LUC. Vợ chồng bà T7 vẫn ở ổn định từ khi được cấp giấy chứng nhận đến nay.

Đến ngày 25/6/2013, chồng bà T7 là ông Huỳnh Văn C1 đã chết (có giấy chứng tử kèm theo). Vợ chồng bà T7 có 09 người con gồm: Huỳnh Văn K4, Huỳnh Văn T5, Huỳnh Văn K5, Huỳnh Văn K6, Huỳnh Thị P2, Huỳnh Văn L1, Huỳnh Thị T6, Huỳnh Công K7, Huỳnh Thị H.

Nhưng Huỳnh Thị H (chết theo Giấy chứng tử ngày 19/02/2014) nên hàng thừa kế của H gồm: bà T7 (mẹ H), ông Nguyễn Văn N (chồng H) và các con của H gồm Nguyễn Văn N1, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị Bích T2, Nguyễn Hữu

P3 (P4).

Ngày 28/5/2014, bà T7 và các con đã lập Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế theo pháp luật được công chứng tại Văn phòng C3 thành phố Cần Thơ. Nội dung thỏa thuận là các con của bà T7 tuyên bố tặng cho quyền hưởng di sản thừa kế do chồng bà là ông Huỳnh Văn C1 để lại cho bà thừa hưởng.

Do vậy, bà T7 được hưởng 64/70 (tức 469m² đất Q và 3602,69m² đất 2L) di sản ông C1 để lại. Chồng con của H (con gái bà T7 đã chết) gồm ông Nguyễn Văn N và các con là Nguyễn Văn N1, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị Bích T2, Nguyễn Hữu P3 (P4) được hưởng chung 6/70 (tức: 21m² đất Q và 161,31m² đất 2L) di sản do ông C1 chết để lại là quyền sử dụng đất đối với 3 thửa đất cũ (60, 63, 65) nêu trên. Bà T7 đại diện đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần thụ hưởng của chồng con bà H sẽ được bảo lưu do những người này chưa bày tỏ ý chí.

Đến ngày 13/7/2015, bà T7 được UBND quận N đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũ sang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới đối với thửa đất số 60, 63, 65 cùng tờ bản đồ số 15 thành thửa mới là thửa 375 (diện tích: 2.536,3m² - lúa) và thửa đất số 1016 (diện tích: 1.105m² - lúa), cùng tờ bản đồ: 68, loại đất: CLN, LUC. Theo đó, cả 2 thửa đất nêu trên bà đều được quyền sử dụng $\frac{1}{2}$ tài sản (do đây là tài sản chung của bà và ông C1) và hưởng 64/70 di sản thừa kế, 6/70 di sản thừa kế của ông N, N1, T1, D, T2, P3 sẽ được bảo lưu do chưa bày tỏ ý chí theo Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế.

Nhưng đến Nhà nước thông báo thu hồi đất ngày 31/8/2020 để thực hiện dự án Khu đô thị M (Khu C) quận N đối với toàn bộ diện tích của 2 thửa đất 375 và 1016 tọa lạc khu vực 8, P. A, Q. N, TP . chiếu theo xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 28/9/2020 của Công ty TNHH A thể hiện thửa đất mới là thửa 126 (thửa đất gốc 1016) diện tích: 1154m² và thửa mới 110 (thửa đất gốc là 375) diện tích 2556.8m².

Sau đó, theo Quyết định thu hồi số 9206 ngày 25/12/2020 của UBND quận N quyết định thu hồi toàn bộ diện tích của thửa đất 375 là 2.536,3m² - lúa; thửa 1016 là 1.105m² - lúa do bà T7 đứng tên và 69,5m² LUC chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 26/12/2020, UBND quận N ban hành Quyết định số 9227 về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với bà Hồ Thị T7 tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: 4.815.438.913 đồng, về tái định cư: không đủ điều kiện xét tái định cư. Kèm phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ tái định cư ngày 07/12/2020.

Tuy nhiên, sau khi có Quyết định bồi thường với số tiền 4.815.438.913 đồng thì ông N, ông N1, ông T1, bà D, bà T2, ông P3 là người thừa kế suất thừa kế của bà H (con gái bà T7) không đồng ý cho bà T7 nhận phần tiền đúng của bà T7 được quyền sở hữu mà lại yêu cầu bà T7 chia đều số tiền bồi thường thì mới đồng ý cho bà T7 nhận tiền.

Nhận thấy, quyền lợi của bà T7 bị ảnh hưởng, vì các thửa đất nêu trên đó là tài

sản chung của bà T7 và ông C1 tạo lập và đã được xác định rõ từng phần quyền của bà T7 trong 2 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và phần bà T7 được hưởng đối với phần di sản thừa kế của chồng bà T7 (ông C1) để lại.

Công nhận cho bà T7 được nhận tổng số tiền: 2.682.887.393 đồng, cụ thể:

- Công nhận cho bà phần tài sản chung là $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản đối với thửa đất gốc là 375, TBD: 68 (thửa mới là 110, TBD: 01) diện tích: 2.536,3m² (LUC) và thửa đất số 1016, TBD: 68 (thửa mới 126, TBD: 01) diện tích: 1.105,0m² (LUC), 2 thửa đất này đã bị quy hoạch và đợi giao tiền bồi thường với tổng số tiền 4.815.438.913 đồng. Do đây là tài sản chung của bà và ông Huỳnh Văn C1 (chồng bà đã chết) tạo lập. Giá trị $\frac{1}{2}$ tài sản tương đương số tiền 2.407.719.456 đồng. (1/2 số tiền 4.815.438.913 đồng).
- Công nhận cho bà được hưởng 1/10 của $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản đối với 2 thửa đất nêu trên là di sản thừa kế do ông Huỳnh Văn C1 chết để lại, số tiền tương đương: 240.771.945 đồng (1/10 số tiền 2.407.719.456 đồng).
- Công nhận cho bà được hưởng 1/7 của 1 suất thừa kế phần của bà H (con gái bà T7 chết) được hưởng số tiền tương đương: 34.395.992 đồng (1/7 số tiền 240.771.945 đồng).
- Bà đồng ý chia cho các đồng thừa kế của ông C1 gồm ông K4, ông T5, ông K5, ông K6, bà P2, ông L1, bà T6, ông K7 (các con của bà) được hưởng mỗi người 1/10 giá trị tài sản của 2 thửa đất nêu trên là di sản thừa kế do ông Huỳnh Văn C1 chết để lại được hưởng tương đương số tiền: 240.771.945 đồng (1/10 số tiền 2.407.719.456 đồng).
- Bà đồng ý chia cho các ông bà gồm ông N, ông N1, ông T1, bà D, bà T2, ông P4 (P3) là người thừa kế suất thừa kế của bà H được hưởng tổng số tiền: 206.375.953 đồng (sau khi trừ 34.395.992 đồng phần của bà).

- Trong quá trình giải quyết đại diện nguyên đơn – ông B trình bày bổ sung:
Vẫn giữ ý kiến và yêu cầu khởi kiện. Cụ thể: Bà T7 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Công nhận cho bà Hồ Thị T7 được quyền nhận tổng số tiền: 2.675.243.884 đồng, gồm:

+ Bà T7 được nhận $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung giữa bà T7 với ông Huỳnh Văn C1 là 2.407.719.456 đồng (1/2 số tiền: 4.815.438.913 đồng).

+ Bà T7 nhận thừa kế 1/10 của phần di sản do ông C1 để lại là: 240.771.945 đồng (1/10 số tiền: 2.407.719.456 đồng).

+ Do bị đơn có cung cấp thêm 02 người con của bà H (ông C2 và bà H2) nên hàng thừa kế của bà H gồm 9 người nên bà T7 yêu cầu được nhận thừa kế 1/9 di sản của bà Huỳnh Thị H để lại là: 26.752.483 đồng. (1/9 số tiền: 240.771.945 đồng).

****Theo đơn xin giải quyết vắng mặt và văn bản trình bày ý kiến của bị đơn ông N, ông N1, ông T1, bà D, bà T2, ông P3 và người liên quan ông C2, bà H2 trình bày:***
Các ông bà nhận được thông báo thụ lý của Tòa án. Các ông bà có ý kiến như sau:

Theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 651 Bộ luật Dân sự 2015 thì những người thừa kế đối với di sản thừa kế suất của bà Huỳnh Thị H gồm: bà Hồ Thị T7 (mẹ ruột bà H); ông Nguyễn Văn N (chồng bà H) và các con bà H gồm: 1. Nguyễn Văn C2; 2. Nguyễn Văn N1; 3. Nguyễn Thị Mỹ H2; 4. Nguyễn Văn T1; 5. Nguyễn Thị D; 6. Nguyễn Thị Bích T2; 7. Nguyễn Hữu P3.

Tổng cộng gồm 09 người được hưởng suất di sản của bà H. Tuy nhiên phía nguyên đơn chỉ yêu cầu Tòa án chia di sản suất của bà H chỉ có 07 người, 02 người không được chia là con ruột của bà H gồm: Nguyễn Văn C2 và Nguyễn Thị Mỹ H2.

Do đó, các ông bà yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế suất của bà Huỳnh Thị H cụ thể như sau:

1. Ngoài những người thừa kế đã nêu, thì còn phải bổ sung thêm 02 người con ruột của bà Huỳnh Thị H là Nguyễn Văn C2 và Nguyễn Thị Mỹ H2 là người được chia di sản thừa kế suất của bà Huỳnh Thị H.

2. Đề nghị Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật. Các ông bà cũng đề nghị Tòa giải quyết vắng mặt.

Đồng thời, tại biên bản hoãn phiên họp ngày 24/4/2025, bị đơn bà T2, bà D đã đề nghị Tòa án thu thập thêm chứng cứ đối với việc ông Huỳnh Văn C1 đã ký ủy quyền tài sản cho bà H. Chứng cứ này được lưu giữ tại UBNDP. An Bình và nộp bổ sung đơn cho Tòa án.

- Những người liên quan gồm ông T5, ông K5, ông K6, bà P2, ông L1, bà T6, ông K7, ông K4 trình bày: Thống nhất với lời trình bày của bà T7 và yêu cầu khởi kiện của bà T7 và đại diện theo ủy quyền của bà T7. Đồng ý nhận số tiền như bà T7 đề nghị. Không đồng ý với ý kiến của bị đơn về việc cho rằng cha của ông bà là ông C1 đã tặng cho hoặc ủy quyền tài sản cho bà H.

Riêng ông K7 xin nhường kỷ phần thừa kế mà ông được nhận cho bà T7.

Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ theo đề nghị của bị đơn tại UBNDP. An Bình. Và đã có kết quả trả lời theo công văn số 394 ngày 09/5/2025. Nên Tòa án đã gửi cho các đương sự, trong đó có bị đơn và ông C2, bà H2. Đồng thời đã gửi thông báo mời các đương sự tham gia phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào lúc 08 giờ 30 ngày 23/5/2025. Đã quá thời gian quy định nhưng bị đơn và ông C2, bà H2 và một số đương sự vắng mặt. Tuy nhiên, trong hồ sơ thể hiện bị đơn và ông C2, bà H2 và ông K6, ông K7 có đơn xin giải quyết vắng mặt. Đồng thời, đại diện nguyên đơn và người liên quan gồm bà P2, ông T5, ông K5, ông L1, bà T6 và ông K4 đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử do giữa các đương sự và bị đơn không thỏa thuận được với nhau nên Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại khoản 3 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

*** Tại phiên tòa:**

- Đại diện nguyên đơn – ông B trình bày: Vẫn giữ ý kiến và yêu cầu như nội dung đơn khởi kiện và đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện và bản tự khai và lời trình bày

tại các biên bản. Cụ thể, bà T7 yêu cầu Tòa án giải quyết: Công nhận cho bà Hồ Thị T7 được quyền nhận tổng số tiền: 2.916.015.829 đồng, gồm:

+ Bà T7 được nhận $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung giữa bà T7 với ông Huỳnh Văn C1 là 2.407.719.456 đồng (1/2 số tiền: 4.815.438.913 đồng).

+ Bà T7 nhận thừa kế 1/10 phần di sản do ông C1 để lại là: 240.771.945 đồng (1/10 số tiền: 2.407.719.456 đồng) và 1/10 kỷ phần thừa kế của ông K7 tặng cho bà T7 là 240.771.945 đồng, đề nghị ghi nhận cho bà T7 nhận phần của ông K7.

+ Bà T7 yêu cầu được nhận thừa kế 1/9 di sản của bà Huỳnh Thị H để lại là: 26.752.483 đồng. (1/9 số tiền: 240.771.945 đồng).

Hiện nay, bà T7 chưa nhận tiền bồi thường hỗ trợ. Số tiền 4.815.438.913 đồng vẫn thuộc quản lý của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Cần Thơ chưa giao cho gia đình bà T7 theo công văn số 417 ngày 04/6/ 2025 đã phúc đáp cho Tòa án.

- **Người liên quan bà P2, bà T6 và ông T5 trình bày:** Thống nhất với ý kiến và yêu cầu của bà T7 và đại diện theo uỷ quyền của bà T7. Các ông bà đồng ý nhận 1/10 di sản thừa kế của ông C1 chết để lại số tiền mỗi người được nhận là 240.771.945 đồng.

Hiện nay bà T7 đang sống với bà P2. Khi ông C1 còn sống thì bà H cũng có gia đình riêng, không sống chung với bà T7 và ông C1, không trực tiếp chăm lo cho ông C1 và bà T7. Nên việc con bà H cho rằng ông C1 uỷ quyền hoặc tặng cho bà H tài sản là không có căn cứ. Nguyên nhân phát sinh tranh chấp dẫn đến gia đình chưa nhận tiền bồi thường là do

- Bị đơn và ông C2, bà H2 vắng mặt không có ý kiến gì thêm.

- Người liên quan ông K7, ông K4, ông K5, ông K6, ông L1 vắng mặt không có ý kiến gì thêm.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều phát biểu quan điểm:**

- *Về tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết. Đương sự thực hiện đúng quy định. Các đương sự gồm bị đơn và những người liên quan gồm ông C2, bà H2, ông K7, ông K4, ông K5, ông K6, ông L1 có đơn xin giải quyết vắng mặt. Đồng thời, Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên việc Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt các đương sự nêu trên đúng theo quy định Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị T7.

- Chia tài sản chung của bà Hồ Thị T7 và ông Huỳnh Văn C1 đối với số tiền: 4.815.438.913 đồng là số tiền bồi thường, hỗ trợ đối với các thửa đất đã bị thu hồi

gồm thửa đất gốc là 375, diện tích: 2.536,3m² và thửa đất số 1016, diện tích: 1.105,0m².

- Công nhận cho nguyên đơn bà Hồ Thị T7 sở hữu $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung giữa bà T7 với ông Huỳnh Văn C1 là 2.407.719.456 đồng.

- $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản còn lại là di sản thừa kế ông C1 chết để lại là 2.407.719.456 đồng.

+ Bà T7 được nhận 2/10 di sản thừa kế ông C1 chết để lại (gồm phần bà T7 và phần ông K7): 481.543.890 đồng.

+ Bà Hồ Thị T7 được nhận 1/9 di sản của bà Huỳnh Thị H (phần bà H hưởng 1/10 di sản của ông C1 chết) để lại là: 26.752.483 đồng.

+ Chia cho ông Huỳnh Văn K4, ông Huỳnh Văn T5, ông Huỳnh Văn K5, ông Huỳnh Văn K6, bà Huỳnh Thị P2, ông Huỳnh Văn L1, bà Huỳnh Thị T6 và ông Huỳnh Công K7 mỗi người được nhận 1/10 di sản thừa kế ông C1 chết để lại là: 240.771.945 đồng.

+ Chia cho những người thừa kế của bà Huỳnh Thị H gồm: ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn C2, ông Nguyễn Văn N1, bà Nguyễn Thị Mỹ H2, ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị Bích T2, ông Nguyễn Hữu P3 (P4) mỗi người được nhận 1/9 di sản của bà Huỳnh Thị H chết (phần bà H hưởng 1/10 di sản của ông C1 chết) để lại là: 26.752.483 đồng.

Đương sự được quyền liên hệ Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Cần Thơ.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà T7 khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung giữa bà và ông Huỳnh Văn C1 và chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với di sản ông Huỳnh Văn C1 chết để lại. Giữa bà và bị đơn là hàng thừa kế của bà H gồm ông N, ông N1, ông T1, bà D, bà T2, ông P3, ông C2, bà H2 không thỏa thuận được, phát sinh tranh chấp nên bà khởi kiện. Do đó, quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp chia tài sản chung và chia di sản thừa kế theo pháp luật*”. Bị đơn cư trú tại quận N nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều theo quy định tại khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng:

Bị đơn và những người liên quan gồm ông C2, bà H2, ông K7, ông K4, ông K5, ông K6, ông L1 có đơn xin giải quyết vắng mặt. Đồng thời, Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng

xét xử giải quyết vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

*** Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị T7 về việc chia tài sản chung của bà và ông C1 và yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản ông C1 chết để lại.**

- **Xét về nguồn gốc:** Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 60, 63, 65 tờ bản đồ số 15, diện tích 4.254m² (đất Q+ 2L), tại ấp L, xã A, thành phố Cần Thơ (Nay là: khu vực 8, P. A, Q. N, TP .) chiếu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00728 do Ủy ban nhân dân thành phố C (cũ) cấp ngày 13/4/1994 cấp cho ông Huỳnh Văn C1 đứng tên sử dụng. Sau đó, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tiến hành đo đạc lại kiểm tra hiện trạng thực tế lại 3 thửa đất nêu trên còn 3.764m², sau đó trừ phần diện tích bỏ ra làm đường đi còn lại là 3.641,3m², và đổi từ thửa đất số 60, 63, 65 cùng tờ bản đồ số 15 thành thửa mới là thửa 375, 1016 cùng tờ bản đồ: 68, loại đất: CLN, LUC.

Đến ngày 25/6/2013, chồng bà T7 là ông Huỳnh Văn C1 đã chết. Ngày 28/5/2014, bà T7 và các con đã lập Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế theo pháp luật được công chứng tại Văn phòng C3 thành phố Cần Thơ. Nội dung thỏa thuận là các con của bà T7 tuyên bố tặng cho quyền hưởng di sản thừa kế do chồng bà là ông Huỳnh Văn C1 để lại cho bà thừa hưởng.

Do vậy, bà T7 được hưởng 64/70 (tức 469m² đất Q và 3602,69m² đất 2L) di sản ông C1 để lại. Chồng con của H (con gái bà T7 đã chết) được hưởng chung 6/70 (tức: 21m² đất Q và 161,31m² đất 2L) di sản do ông C1 chết để lại là quyền sử dụng đất đối với 3 thửa đất cũ (60, 63, 65) nêu trên. Bà T7 đại diện đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần thụ hưởng của chồng con bà H sẽ được bảo lưu do những người này chưa bày tỏ ý chí.

Đến ngày 13/7/2015, bà T7 được UBND quận N đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũ sang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 08184 đối với thửa đất số 60, 63, 65 cùng tờ bản đồ số 15 thành thửa mới là thửa 375 (diện tích: 2.536,3m²- lúa) và thửa đất số 1016 (diện tích: 1.105m² - lúa), cùng tờ bản đồ: 68, loại đất: CLN, LUC. Theo đó, cả 2 thửa đất nêu trên bà đều được quyền sử dụng ½ tài sản (do đây là tài sản chung của bà và ông C1) và hưởng 64/70 di sản thừa kế, 6/70 di sản thừa kế của ông N, N1, T1, D, T2, P3 sẽ được bảo lưu do chưa bày tỏ ý chí theo Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế.

Các thửa đất nêu trên do bà Hồ Thị T7 và ông Huỳnh Văn C1 tạo lập, ở ổn định và sử dụng từ năm 1993 đến khi Nhà nước thông báo thu hồi đất ngày 31/8/2020 để thực hiện dự án Khu đô thị M (Khu C) quận N đối với toàn bộ diện tích của 2 thửa đất 375 và thửa 1016 - chiếu theo xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày

28/9/2020 của Công ty TNHH A thể hiện thửa đất mới là thửa 126 (thửa đất gốc 1016) và thửa mới 110 (thửa đất gốc là 375).

Sau đó, theo Quyết định thu hồi số 9206 ngày 25/12/2020 của UBND quận N quyết định thu hồi toàn bộ diện tích của thửa đất 375 và thửa 1016.

Ngày 26/12/2020, UBND quận N ban hành Quyết định số 9227 về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với bà Hồ Thị T7 tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: 4.815.438.913 đồng, về tái định cư: không đủ điều kiện xét tái định cư. Kèm phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ tái định cư ngày 07/12/2020.

Như vậy, có cơ sở xác định tài sản các thửa đất nêu trên là tài sản chung của vợ chồng bà T7 và ông C1 theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986.

Nên tài sản của bà T7 là $\frac{1}{2}$ giá trị các thửa đất nêu trên là 2.407.719.456 đồng nêu trên (tương đương $\frac{1}{2}$ số tiền 4.815.438.913 đồng).

- **Về di sản thừa kế của ông C1:** $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản còn lại của các thửa đất nêu trên là di sản thừa kế ông C1 chết để lại với số tiền 2.407.719.456 đồng (tương đương $\frac{1}{2}$ số tiền 4.815.438.913 đồng).

- **Về hàng thừa kế của ông C1:** Theo Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế theo pháp luật được công chứng tại Văn phòng C3 thành phố Cần Thơ lập ngày 28/5/2014 thể hiện: Ông C1 chết ngày 25/6/2013 không để lại di chúc. Ông C1 không còn cha, mẹ. Bà T7 là vợ duy nhất của ông C1. Ông không có con riêng, con nuôi.

Nên hàng thừa kế theo pháp luật của ông C1 có 10 người gồm: Bà Hồ Thị T7 (vợ ông C1) và các người con gồm ông Huỳnh Văn K4, ông Huỳnh Văn T5, ông Huỳnh Văn K5, ông Huỳnh Văn K6, bà Huỳnh Thị P2, ông Huỳnh Văn L1, bà Huỳnh Thị T6 và ông Huỳnh Công K7 và bà Huỳnh Thị H (chết ngày 19/01/2014).

Do đó, bà Hồ Thị T7, ông Huỳnh Văn K4, ông Huỳnh Văn T5, ông Huỳnh Văn K5, ông Huỳnh Văn K6, bà Huỳnh Thị P2, ông Huỳnh Văn L1, bà Huỳnh Thị T6 và ông Huỳnh Công K7, bà Huỳnh Thị H mỗi người được nhận $\frac{1}{10}$ di sản thừa kế ông C1 chết để lại là: 240.771.945 đồng (tương đương $\frac{1}{10}$ số tiền 2.407.719.456 đồng); Tuy nhiên, ông K7 đã nhường kỷ phần thừa kế của ông cho bà T7 nên ghi nhận cho bà T7 được hưởng thêm $\frac{1}{10}$ di sản thừa kế của ông C1 chết để lại tương đương số tiền 240.771.945 đồng.

Do bà H chết nên hàng thừa kế theo pháp luật của bà H có 09 người gồm: Bà Hồ Thị T7 (mẹ bà H), ông Nguyễn Văn N (chồng bà H) và các con bà H gồm ông Nguyễn Văn C2, ông Nguyễn Văn N1, bà Nguyễn Thị Mỹ H2, ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị Bích T2, ông Nguyễn Hữu P3 (P4) mỗi người được hưởng $\frac{1}{9}$ di sản của bà Huỳnh Thị H chết (phần bà H hưởng $\frac{1}{10}$ di sản của ông C1 chết) để lại là: 26.752.483 đồng. (tương đương $\frac{1}{9}$ số tiền: 240.771.945 đồng).

Trong quá trình giải quyết, Tòa án nhận được đơn yêu cầu thu thập chứng cứ của phía bị đơn đối với việc ông Huỳnh Văn C1 đã ký ủy quyền tài sản cho bà H, chứng cứ này được lưu giữ tại Ủy ban nhân dân P5. Sau khi thu thập chứng cứ theo đề nghị của phía bị đơn, Tòa án đã nhận được Công văn trả lời của UBND P.An Bình số 394 ngày 09/5/2025, theo nội dung công văn thể hiện: Qua sưu tra sổ lưu về thừa kế, tặng cho quyền hưởng di sản thừa kế lưu tại UBND phường P5 là không có tên Huỳnh Văn C1 tặng cho bà Huỳnh Thị H. Do đó, việc bị đơn cho rằng tài sản nguyên đơn yêu cầu là của bà H được ông C1 ủy quyền hoặc tặng cho là không có cơ sở xem xét.

Tuy nhiên, theo đơn đề nghị giải quyết vắng mặt của các bị đơn và ông C2, bà H2 đề ngày 01/4/2025 có ý kiến yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo quy định pháp luật đối với phần di sản thừa kế mà các ông bà được hưởng của bà Huỳnh Thị H là người thừa kế của ông C1.

Các ông bà gồm: ông T5, ông K5, ông K6, bà P2, ông L1, bà T6, ông K7, ông K4 cũng là con ông C1 và là hàng thừa kế của ông C1 thống nhất với lời trình bày, yêu cầu khởi kiện của bà T7 và đại diện theo ủy quyền của bà T7. Đồng ý nhận số tiền như bà T7 đề nghị. Không đồng ý với ý kiến của bị đơn về việc cho rằng cha của ông bà là ông C1 đã tặng cho hoặc ủy quyền tài sản cho bà H. Do ông C1 khi còn sống không tặng cho, ủy quyền hay để lại di chúc cho người con nào trong gia đình.

Nhận thấy, lời trình bày của nguyên đơn và các ông bà nêu trên phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ và Tòa án đã thu thập như đã phân tích phần trên.

Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung và chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với tổng số tiền bồi thường hỗ trợ 4.815.438.913 đồng là phù hợp với ý kiến của bị đơn trong văn bản về việc ghi ý kiến đề ngày 01/4/2025 nộp cho Tòa án và thống nhất với ý kiến những người thuộc hàng thừa kế còn lại nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 và Điều 213, Điều 649, Điều 650 và Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015. Cụ thể:

- Chia cho bà Hồ Thị T7 được nhận tổng số tiền: 2.916.015.829 đồng, bao gồm:
 - + ½ giá trị tài sản chung giữa bà T7 với ông C1 là 2.407.719.456 đồng;
 - + 1/10 phần di sản do ông C1 để lại là: 240.771.945 đồng và 1/10 di sản thừa kế ông K7 hưởng của ông C1 tặng cho bà T7 số tiền: 240.771.945 đồng.
 - + 1/9 di sản của bà Huỳnh Thị H để lại là: 26.752.483 đồng.
- Chia cho ông Huỳnh Văn K4, ông Huỳnh Văn T5, ông Huỳnh Văn K5, ông Huỳnh Văn K6, bà Huỳnh Thị P2, ông Huỳnh Văn L1, bà Huỳnh Thị T6 mỗi người được nhận 1/10 di sản thừa kế ông C1 chết để lại là: 240.771.945 đồng (1/10 số tiền 2.407.719.456 đồng);

- Chia cho ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn C2, ông Nguyễn Văn N1, bà Nguyễn Thị Mỹ H2, ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị Bích T2, ông Nguyễn Hữu P3 (P4) mỗi người được hưởng 1/9 di sản của bà Huỳnh Thị H chết (phần bà H hưởng 1/10 di sản của ông C1 chết) để lại là: 26.752.483 đồng. (1/9 số tiền: 240.771.945 đồng).

Các đương sự chưa nhận kinh phí, bồi thường, hỗ trợ số tiền nêu trên tại Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Cần Thơ. Nên các đương sự được quyền liên hệ Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Cần Thơ để nhận số tiền được chia nêu trên. Kiến nghị Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Cần Thơ cho các đương sự được nhận số tiền được chia nêu trên.

*** Về án phí dân sự sơ thẩm:**

- Bà T7, ông N, ông T5, ông K5, ông K4 thuộc trường hợp người cao tuổi (60 tuổi trở lên) nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông K6, bà P2, ông L1, bà T6 mỗi người phải chịu 8.015.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. (phần án phí tương ứng với số tiền được nhận theo kỹ phần thừa kế).

- Ông C2, ông N1, bà H2, ông T1, bà D, bà T2 và ông P3 mỗi người phải chịu 890.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. (phần án phí tương ứng với số tiền được nhận theo kỹ phần thừa kế).

Do đó, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều là phù hợp, có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1/ Căn cứ vào: - Khoản 5 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 213, Điều 649, Điều 650 và Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986.

- Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2/ Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị T7.

- Chia tài sản chung của bà Hồ Thị T7 và ông Huỳnh Văn C1 đối với số tiền: 4.815.438.913 đồng là số tiền bồi thường, hỗ trợ đối với các thửa đất đã bị thu hồi gồm thửa đất gốc là 375, TĐĐ: 68 (thửa mới là 110, TĐĐ: 01) diện tích: 2.536,3m² (LUC) và thửa đất số 1016, TĐĐ: 68 (thửa mới 126, TĐĐ: 01) diện tích: 1.105,0m² (LUC), tọa lạc khu vực 8, P. A, Q. N, TP .. Cụ thể:

+ Bà T7 được sở hữu 1/2 giá trị tài sản chung giữa bà T7 với ông Huỳnh Văn C1 là 2.407.719.456 đồng.

+ 1/2 giá trị tài sản là di sản thừa kế ông C1 chết để lại là 2.407.719.456 đồng.

- Chia cho bà Hồ Thị T7 được nhận tổng số tiền: 2.916.015.829 đồng (*Hai tỷ, chín trăm mười sáu triệu, không trăm mười lăm nghìn, tám trăm hai mươi chín đồng*), bao gồm:

+1/2 giá trị tài sản chung giữa bà T7 với ông C1 là 2.407.719.456 đồng (*Hai tỷ, bốn trăm lẻ bảy triệu, bảy trăm mười chín nghìn, bốn trăm năm mươi sáu đồng*);

+ 2/10 phần di sản do ông C1 để lại (gồm phần bà T7 và phần ông K7): 481.543.890 đồng (*Bốn trăm tám mươi một triệu, năm trăm bốn mươi ba nghìn, tám trăm chín mươi đồng*);

+ 1/9 di sản của bà Huỳnh Thị H để lại là: 26.752.483 đồng (*Hai mươi sáu triệu, bảy trăm năm mươi hai nghìn, bốn trăm tám mươi ba đồng*).

- Chia cho ông Huỳnh Văn K4, ông Huỳnh Văn T5, ông Huỳnh Văn K5, ông Huỳnh Văn K6, bà Huỳnh Thị P2, ông Huỳnh Văn L1, bà Huỳnh Thị T6 mỗi người được nhận 1/10 di sản thừa kế ông C1 chết để lại là: 240.771.945 đồng (*Hai trăm bốn mươi triệu, bảy trăm bảy mươi một nghìn, chín trăm bốn mươi lăm đồng*).

- Chia cho ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn C2, ông Nguyễn Văn N1, bà Nguyễn Thị Mỹ H2, ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị Bích T2, ông Nguyễn Hữu P3 (P4) mỗi người được hưởng 1/9 di sản của bà Huỳnh Thị H chết (phần bà H hưởng 1/10 di sản của ông C1 chết) để lại là: 26.752.483 đồng (*Hai mươi sáu triệu, bảy trăm năm mươi hai nghìn, bốn trăm tám mươi ba đồng*).

Các đương sự được quyền liên hệ Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố C để nhận số tiền được chia nêu trên.

Kiến nghị Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Cần Thơ cho các đương sự được nhận số tiền được chia nêu trên.

*** Về án phí dân sự sơ thẩm:**

- Bà T7, ông N, ông T5, ông K5, ông K4 thuộc trường hợp người cao tuổi (60 tuổi trở lên) nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông K6, bà P2, ông L1, bà T6 mỗi người phải chịu 8.015.000 đồng (*Tám triệu, lẻ mười lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông C2, ông N1, bà H2, ông T1, bà D, bà T2 và ông P3 mỗi người phải chịu 890.000 đồng (*T7 trăm chín mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

*** Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (*đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết*) để yêu cầu Tòa án nhân dân TP. Cần Thơ giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:**

- Dương sự;
- VKSND quận Ninh Kiều;
- Chi cục THADS quận Ninh Kiều;
- TAND Thành phố Cần Thơ;
- VKSNDTP. Cần Thơ;
- Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Yến Nhi